

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quý I và nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2023

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUÝ I/2023

Ngay từ những tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tập trung triển khai nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước phân đầu hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2023; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), tổ chức đón tết Nguyên đán cho nhân dân đảm bảo an toàn, vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm. Một số kết quả về tình hình kinh tế - xã hội như sau:

I. Kết quả đạt được

1. Về Kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt mức tăng trưởng 2,21%. Trong đó, khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 2,65%, khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 0,89%, khu vực dịch vụ tăng 5,51%.

– Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung gieo trồng vụ Đông Xuân với diện tích là 101.889 ha, đạt 95,7% kế hoạch (KH) vụ, tăng 4,7% so cùng kỳ (CK). Diện tích cây lúa nhiễm sâu bệnh gia tăng, tuy nhiên mức độ nhiễm nhẹ, không ảnh hưởng nhiều đến năng suất cây trồng.

Tình hình chăn nuôi và giá sản phẩm chăn nuôi ổn định, không phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm; xu hướng chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học¹. Ước số lượng và sản lượng gia súc, gia cầm so với CK: bò tăng 0,5% về số lượng, tăng 3,6% về sản lượng; heo tăng 6,1% về số lượng, tăng 6,7% về sản lượng; gia cầm tăng 3,2% về số lượng, tăng 1,7% về sản lượng.

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025. Tiến hành rà soát lại quỹ đất và vận động người dân chuẩn bị cho công tác trồng rừng vào mùa mưa. Diện tích rừng bị cháy 6,2 ha trên địa bàn huyện Tân Biên và Tân Châu. Phát hiện 35 vụ vi phạm quy

¹ 627 trang trại chăn nuôi gia súc, tăng 12 trang trại so với CK; 107 trang trại chăn nuôi gia cầm, tăng 02 trang trại so với CK.

định về Luật Lâm nghiệp (*tăng 16 vụ so với CK*); đã điều tra, xác minh xử lý hành chính 15 vụ (*tăng 06 vụ so với CK*).

Thực hiện tốt công tác điều tiết nước tưới, đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất. Thường xuyên theo dõi, nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước tập trung phục vụ nhu cầu sử dụng nước nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, tính đến nay số hộ dân sử dụng nước 20.965 hộ (*tăng 527 hộ so với CK*).

– Công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước giảm 0,3% so với CK, tuy nhiên mức giảm không đáng kể, trong đó ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh là chế biến, chế tạo giảm 0,07%.

Tính đến 01/3/2023, ngành điện đã cung cấp 432,27 triệu kWh điện, đảm bảo cung cấp đủ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt, bán sang Campuchia 26,32 triệu kWh điện và tiết kiệm được 17,36 triệu kWh điện.

– Thương mại, dịch vụ và du lịch

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 26.066 tỷ đồng, tăng 11,1% so với CK. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước thực hiện 20.492 tỷ đồng, tăng 10,1% so CK; doanh thu dịch vụ vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.516 tỷ đồng, tăng 48,7% so với CK.

Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.176 triệu USD, đạt 16,8% so với KH, giảm 19,7% so với CK. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu giảm sản lượng: Giày dép các loại giảm 36,3%; Vải các loại giảm 31,2%; Phương tiện vận tải và phụ tùng giảm 17,1%; Hàng dệt may giảm 14,1%; Xơ, sợi dệt các loại giảm 13,7%. Kim ngạch nhập khẩu đạt 1.244 triệu USD, đạt 20,2% so với KH, giảm 10,2% so với CK. Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

Tổng doanh thu du lịch 980,4 tỷ đồng, đạt 54,5% so KH, tăng 88% so CK; với 2,5 triệu lượt khách tham quan tại các khu, điểm du lịch, đạt 50% so KH, tăng 18,3% so CK.

Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Trong quý I, đã phát hiện 117 vụ vi phạm, trong đó số vụ vi phạm tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực bảo đảm an toàn thực phẩm (32 vụ); buôn bán, vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu (28 vụ); kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ (25 vụ) và hàng hóa giả mạo nhãn hiệu (13 vụ). Đã xử lý 125 vụ, nộp ngân sách 2,55 tỷ đồng.

– Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 8.397 tỷ đồng, đạt 19,9% so với KH, tăng 6,8% so với CK. Bao gồm: Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,5%, khu vực dân doanh tăng 3,7%, khu vực nhà nước giảm 5% so với CK.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng ước đạt 61.900 tỷ đồng, tăng 0,6% so với đầu năm và tăng 8,9% so với CK; trong đó vốn huy động trên 12 tháng ước đạt 6.040 tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng nguồn vốn huy động, tăng 0,1% so với đầu năm. Tổng

du nợ ước đạt 88.900 tỷ đồng, tăng 3,5% so với đầu năm và tăng 10,7% so với CK; tỷ lệ nợ xấu 0,7% tổng dư nợ.

Trong 3 tháng đầu năm, nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh tăng, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán; không bị hạn chế hạn mức tăng trưởng tín dụng, cùng với quy trình, thủ tục thuận lợi nên dư nợ cho vay có mức tăng trưởng cao. Dư nợ cho vay sản xuất kinh doanh ước đạt 70.100 tỷ đồng, tăng 4,4% so đầu năm, tăng 9,4% so với CK và chiếm 78,9% tổng dư nợ; trong đó dư nợ cho vay doanh nghiệp ước đạt 25.800 tỷ đồng, tăng 4,3% so đầu năm, tăng 5,4% so với CK với 1.016 doanh nghiệp.

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 2.946 tỷ đồng, đạt 26,8% dự toán, giảm 0,8% CK; trong đó thu nội địa 2.632 tỷ đồng, đạt 27,4% so dự toán, tăng 4,3% so với CK; thu xuất nhập khẩu 314 tỷ đồng, đạt 22,4% so dự toán, giảm 29,6% so với CK. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 3.271 tỷ đồng, đạt 29,3% dự toán, tăng 11,5% so với CK.

Tổng vốn đầu tư XDCB năm 2023 là 4.579,416 tỷ đồng, đã giao chi tiết 4.242,735 tỷ đồng, đạt 92,6% KH HĐND tỉnh giao; số vốn còn lại chưa phân bổ là 336,681 triệu đồng (*trong đó: vốn NSDP 24,260 tỷ đồng và vốn NSTW 312,421 tỷ đồng*). Đến 20/3/2023, giải ngân 977,1 tỷ đồng, đạt 24,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 21,3% kế hoạch HĐND tỉnh giao. Ước giải ngân đến cuối quý I là 1.148,5 tỷ đồng, đạt 28,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 25,1% kế hoạch HĐND tỉnh giao.

Kết quả thực hiện các dự án trọng điểm:

+ Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài: ngày 13/3/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan để giải quyết các khó khăn. Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh và đơn vị tư vấn đang hoàn chỉnh lại hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 3/2023.

+ Nghiên cứu tiền khả thi dự án Cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (*giai đoạn 1 từ Gò Dầu đến thành phố Tây Ninh*) đã được thành viên Hội đồng thẩm định cấp cơ sở xem xét đánh giá, báo cáo UBND tỉnh thống nhất kết quả thẩm định.

+ Một số công trình dự án lớn được chỉ đạo tập trung nguồn lực thực hiện như: Nâng cấp, mở rộng Đường ĐT.782-ĐT.784 (*đoạn từ tuyến tránh QL.22 đến ngã tư Tân Bình*); Đường Đất Sét - Bến Củi; Dự án Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (*giai đoạn 2*); Nâng cấp, mở rộng ĐT.795; Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789; Tiểu dự án Đường mòn Bàu Tà On (*thuộc dự án Đường ra cửa khẩu Biên Mâu*); Tiểu dự án Đường vào cầu Ông Sãi (*thuộc dự án Đường ra cửa khẩu Biên Mâu*).

Các dự án phát triển hạ tầng logistic như: Trung tâm logistics, cảng cạn và cảng tổng hợp Hưng Thuận²; Cảng thủy và Cảng cạn Thanh Phước³; Cảng cạn Mộc Bài⁴;

² Đang thực hiện thủ tục chuyển đổi đất trồng lúa và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

³ Đã khai thác cảng thủy nội địa; đang đầu tư cảng cạn và dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2023.

⁴ Đã thi công san lấp mặt bằng giai đoạn 1 (5ha), dự kiến đưa vào khai thác sử dụng giai đoạn 1 trong quý II/2023.

Cảng thủy nội địa Thành Thành Công⁵ thường xuyên được quan tâm tháo gỡ khó khăn ách tắc về thủ tục để sớm triển khai xây dựng.

Các dự án phục vụ khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chấp thuận chủ trương đầu tư⁶ và lựa chọn nhà đầu tư theo quy định⁷.

– Các chương trình mục tiêu quốc gia

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM): Mức độ đạt chuẩn của các xã NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu năm 2022 thấp, đến nay có 02/9 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (Hưng Thuận, Tân Lập); 02/02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Bàu Đồn, Thanh Điền); 0/6 xã đạt chuẩn NTM.

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023; Kế hoạch truyền thông và giảm nghèo về thông tin và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Xây dựng Kế hoạch thực hiện Tiểu Dự án 3 “Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình của Dự án 10 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh năm 2023. Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Tiểu Dự án 2 của Dự án 9 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg về “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023.

– Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

Ban hành Kế hoạch hành động về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2023. Hướng dẫn quy trình thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Xem xét, ban hành danh mục kêu gọi đầu tư năm 2023 và Quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích khu đất công để tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hướng đến sự minh bạch, thuận lợi hơn về môi trường đầu tư.

Tính đến 15/3/2023:

+ Thu hút đầu tư trong nước ước đạt 708 tỷ đồng, giảm 90,9% so với CK. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chủ trương đầu tư mới 04 dự án với tổng vốn đăng ký 390 tỷ đồng; 05 dự án điều chỉnh tăng vốn 318 tỷ đồng. Lũy kế, trên địa bàn tỉnh có 679 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với vốn đăng ký là 116.554 tỷ đồng; trong đó có 345 dự án đi vào hoạt động với số vốn 64.303,9 tỷ đồng, 77 dự án đang triển khai xây dựng với số vốn 16.942,6 tỷ đồng, 228 dự án chưa xây dựng với số vốn 33.996,8 tỷ đồng, 25 dự án dừng hoạt động với số vốn 1.311 tỷ đồng, 04 dự án đang lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

⁵ Nhà đầu tư đã lập xong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

⁶ Khu tham quan chuyên đề, nghỉ dưỡng Núi Bà Đen, Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh; Dự án Khu đô thị phụ cận KDLQG núi Bà Đen (266 ha); Dự án Khu dân cư phụ cận KDLQG núi Bà Đen (113 ha);

⁷ Dự án Khu đô thị phục vụ Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh;

+ Thu hút đầu tư nước ngoài ước đạt 101,8 triệu USD, giảm 52,2% so với CK. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới 05 dự án với vốn đăng ký 25 triệu USD; 07 dự án điều chỉnh tăng vốn 76,8 triệu USD; 01 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đăng ký 0,6 triệu USD. Lũy kế, trên địa bàn tỉnh có 355 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 9.136 triệu USD, trong đó có 245 dự án hoạt động với số vốn 7.061 triệu USD; 42 dự án đang xây dựng với số vốn 1.030,5 triệu USD; 55 dự án chưa triển khai với số vốn 973,7 triệu USD; 13 dự án dừng hoạt động với số vốn 70,7 triệu USD; vốn thực hiện lũy kế chiếm khoảng 50% tổng vốn đăng ký.

+ Đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 148 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 649,6 tỷ đồng, so với CK giảm 26% về số doanh nghiệp và giảm 50,6% về vốn đăng ký. Có 36 doanh nghiệp giải thể với số vốn 318,7 tỷ đồng. Lũy kế có 6.810 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 184.207 tỷ đồng.

Thành lập mới 02 hợp tác xã (HTX) thuộc lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp; giải thể 05 HTX; lũy kế có 175 HTX với tổng vốn điều lệ là 240 tỷ đồng và 37.020 thành viên. Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

– Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Ban hành kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi. Công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo đúng quy định. Đã thực hiện cấp 62 giấy chứng nhận cho tổ chức với tổng diện tích 36,54 ha; cấp 22.409 giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất với diện tích 4.072,12 ha, trong đó cấp 426 giấy chứng nhận lần đầu với diện tích 143,6 ha. Xem xét, thông qua quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thay thế Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 nhằm tạo thuận lợi cho người dân thực hiện quyền và tăng cường về quản lý đất đai, hạn chế tình trạng phân lô bán nền.

Tập trung thực hiện Phương án sử dụng quỹ đất công ty nông lâm nghiệp (Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh, Công ty Cổ phần Cao su 1-5); khẩn trương xử lý các hợp đồng theo phương án sắp xếp; đẩy nhanh tiến độ thanh lý vườn cây, thu hồi công nợ và tiếp nhận quản lý diện tích đất bàn giao về địa phương hiệu quả.

+ Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh: Đến nay, UBND huyện Tân Châu đã ban hành 07 quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất trên địa bàn 05 xã với diện tích 2.217,1/2.257,68 ha.

+ Công ty Cổ phần Cao su 1-5: Tiếp tục cho chủ trương thanh lý; đấu giá khai thác mũ vườn cây và thu hồi công nợ theo phương án được duyệt.

Triển khai thực hiện Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. Triển khai lập phương án sử dụng tài nguyên nước, lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện dự án “Khoanh định, phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”. Công tác

cấp phép khai thác khoáng sản, giấy phép về thăm dò, khai thác nước dưới đất, giấy phép xả thải vào nguồn nước đảm bảo theo quy định.

Thẩm định các hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại, thẩm định và thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Thực hiện quan trắc thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023.

– Công tác quy hoạch và liên kết vùng

Dự thảo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Hội đồng thẩm định tại Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 27/01/2023. Ngày 14/3/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã được các chuyên gia, thành viên hội đồng thẩm định tham dự đồng ý thông qua có chỉnh sửa, bổ sung.

Chủ động, tích cực phối hợp với các tỉnh thành sơ kết, tổng kết và xây dựng các chương trình hợp tác phát triển cơ chế phối hợp liên kết vùng. Xây dựng Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Tây Ninh với tỉnh Long An và tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2025. Tham dự Hội nghị tổng kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Đông Nam bộ; Chương trình tham quan, thảo luận mô hình phát triển dựa trên công nghiệp giữa tỉnh Bình Dương và các Tỉnh/Thành phố và sự kiện “Bình Dương: Khởi động – Kết nối – Phát triển mới”. Tham mưu xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác nghiên cứu đề xuất Dự án đầu tư Khu công nghiệp – Đô thị và Công ty Liên danh Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP).

2. Văn hóa, xã hội

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo chất lượng và hiệu quả, chú trọng việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý. Đa dạng hóa các hình thức tư vấn, hướng nghiệp, định hướng phân luồng tạo điều kiện cho học sinh tìm hiểu thực tế tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh. Xây dựng Đề án xã hội hóa giáo dục và đào tạo tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023; Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025 và năm 2023. Có 120 doanh nghiệp đăng ký nhu cầu sử dụng lao động, với nhu cầu tuyển dụng 838 người. Tư vấn việc làm và học nghề cho 3.678 lượt lao động, tổ chức đưa 35 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh. Kiểm định 348 phương tiện đo, kết quả đạt yêu cầu. Phát hành 03 bản tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Tây Ninh. Cập nhật và đăng tải 79 tin tức liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng lên website <https://tbt.tayninh.gov.vn>.

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, tuy nhiên có một số bệnh tăng so cùng kỳ (tay chân miệng, sốt xuất huyết). Duy trì hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19, sẵn sàng đáp ứng nhanh với mọi tình huống dịch bệnh. Thực hiện công tác tiêm vắc xin. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, không xảy ra ngộ độc thực phẩm. Đảm bảo thuốc cho hệ thống y tế công lập thực hiện tốt khám chữa bệnh cho người dân. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 88,15%.

Các chính sách về an sinh xã hội được thực hiện tốt. Tổng kinh phí thực hiện công tác chăm lo, phục vụ Tết Nguyên đán là 130,624 tỷ đồng. Thực hiện xây dựng và bàn giao 86 căn nhà đại đoàn kết. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022⁸. Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh Tây Ninh.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức sôi nổi, hiệu quả, đi vào chiều sâu, gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương và xây dựng văn hóa, con người Tây Ninh, đồng thời giới thiệu và quảng bá hình ảnh tỉnh Tây Ninh đến với du khách trong nước và quốc tế. Tổ chức Hội xuân Núi Bà Đen năm Quý Mão 2023 và Lễ hội “Nghệ thuật chế biến món ăn chay tỉnh Tây Ninh” lần thứ I. Nghề làm muối ớt Tây Ninh vừa được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Thành lập đoàn thể thao môn Bóng đá tham gia thi đấu tại Vòng loại Giải Bóng đá vô địch U17 quốc gia 2023. Tổ chức tháng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023.

Ban hành Kế hoạch về Công tác thông tin đối ngoại tỉnh Tây Ninh năm 2023; Kế hoạch về nâng cấp, phát triển hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh đến năm 2025. Cung cấp thông tin kịp thời về các sự kiện trọng đại của đất nước, thông tin kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội, công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng

– Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số

Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch đào tạo chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng năm 2023; Hướng dẫn quy trình thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giúp nhà đầu tư có thể biết được thành phần hồ sơ, các bước quy trình và thời gian thực hiện; Bộ chỉ số Đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) thuộc tỉnh Tây Ninh; Bộ Chỉ số cải cách hành chính năm 2023. Kế hoạch

⁸ Kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022: số hộ nghèo, hộ cận nghèo là 3.499 hộ, chiếm tỷ lệ 1,09%. Trong đó: tổng số hộ nghèo là 1.037 hộ, tỷ lệ 0,32%; tổng số hộ cận nghèo là 2.462 hộ, chiếm tỷ lệ 0,77%. Số hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình là 4.148 hộ, chiếm tỷ lệ 1,29%.

chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin năm 2023 và một số đột phá về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 01/01/2023 đến 16/3/2023: Số hồ sơ tiếp nhận phải giải quyết là 101.241 hồ sơ, trong đó có 91.546 hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn (90,42%); 7.666 hồ sơ chưa giải quyết – còn hạn (7,57%); 254 hồ sơ chưa giải quyết – quá hạn (0,25%); 1.774 hồ sơ đã giải quyết – quá hạn (1,75%).

– Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được 863 cuộc với hơn 28.340 lượt người tham gia; tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh 1.266 giờ; tư sách pháp luật có 113 lượt người tìm hiểu.

Công tác trợ giúp pháp lý: tham gia tố tụng 91 vụ cho 91 người thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí. Thực hiện tư vấn pháp luật tại trụ sở cho 37 lượt người dân. Công tác hòa giải đã tiếp nhận 80 vụ; đưa ra hòa giải 80 vụ, trong đó hòa giải thành 73 vụ đạt 86,7%, hòa giải không thành 07 vụ.

Thi hành án dân sự (từ ngày 1/10/2022 đến 28/02/2023): Tổng số việc giải quyết là 17.548 việc (trong đó số thụ lý mới là 6.246 việc, tăng 1.125 việc so với CK). Tổng số việc phải thi hành: 17.449 việc, trong đó số việc có điều kiện giải quyết 11.101 việc, đã thi hành xong 3.981 việc; số việc chưa có điều kiện giải quyết 6.088 việc.

– Công tác thanh tra, kiểm tra

Thực hiện 32 cuộc thanh tra hành chính, chủ yếu trên lĩnh vực tài chính ngân sách (05/21 cuộc), còn lại là các lĩnh vực đất đai, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản; đã ban hành kết luận 11 cuộc. Qua thanh tra, phát hiện vi phạm 85.153 triệu đồng và 59 m² đất, kiến nghị thu hồi 3.642 triệu đồng, kiến nghị khác 81.511 triệu đồng và 59 m² đất, kiến nghị xử lý hành chính đối với 07 tổ chức và 128 cá nhân.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã triển khai 2.341 cuộc, ban hành kết luận 2.328 cuộc đối với 5.989 cá nhân và 364 tổ chức, phát hiện 121 cá nhân và 47 tổ chức vi phạm, đã ban hành 148 quyết định xử phạt hành chính với số tiền 2.891 triệu đồng, số tiền đã thu qua kiến nghị thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính là 2.339 triệu đồng (đạt 81%), kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 01 vụ 01 đối tượng, vi phạm chủ yếu trong lĩnh vực giao thông, môi trường, kiểm dịch, y tế, ...

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân: Toàn tỉnh đã tiếp 495 lượt, 423 người, 370 vụ việc; phân loại, xử lý kịp thời 48 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện xử lý. Tổng số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết là 18 đơn (15 đơn khiếu nại, 03 đơn tố cáo), đã giải quyết 09 đơn, đạt 50% trên tổng số thụ lý, số còn lại đang xác minh, xem xét giải quyết.

– Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023; tổ chức 263 cuộc tuyên truyền với 8.233 lượt người tham dự.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai minh bạch tại 05 cơ quan, phát hiện 01 cơ quan còn hạn chế, thiếu sót; tiến hành 03 cuộc thanh

tra, kiểm tra về công tác quản lý sử dụng tài chính liên quan đến chế độ, định mức, tiêu chuẩn, phát hiện sai phạm 03 cuộc/26 người với số tiền sai phạm đã xử lý 3,07 tỷ đồng; thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023 phát hiện và xử lý 03 vụ, 03 người theo quy định của pháp luật; thực hiện chuyển đổi 06/108 trường hợp nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương: khởi tố 01 vụ án, 01 bị can; truy tố 03 vụ, 08 bị can; xét xử sơ thẩm 02 vụ, 05 bị cáo; xét xử phúc thẩm 01 vụ, 01 bị cáo; hiện đang tiếp tục theo dõi 09 vụ, 27 người có dấu hiệu tham nhũng đang được xử lý, chưa có kết quả xét xử sơ thẩm; xử lý hình sự 01 lãnh đạo⁹, đang xem xét xử lý 03 lãnh đạo¹⁰ để xảy ra tham nhũng, 02 lãnh đạo¹¹ đủ điều kiện để miễn trách nhiệm; đã xử lý 05 trường hợp tiêu cực.

4. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại được duy trì thường xuyên

Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2023 đạt chỉ tiêu ở 03 cấp. Bàn giao 30 căn nhà/06 điểm dân cư liên kê chốt dân quân, lũy kế đã xây dựng 115 căn nhà/21 điểm dân cư liên kê chốt dân quân. Các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng đã phối hợp chặt chẽ, theo dõi nắm chắc tình hình, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên tuyến biên giới.

Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/03/2023): Tiếp nhận 239 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự (giảm 89 vụ so với CK), làm rõ 235 vụ 499 đối tượng, đạt 98,33%. Trong đó tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng tiếp nhận 51 vụ (giảm 04 so với CK), làm rõ 49 vụ 83 đối tượng, đạt 96,08% (vượt tỷ lệ Bộ Công an giao 6,08%).

Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 82 vụ, 127 đối tượng (giảm 53 vụ so với CK), điều tra làm rõ 79 vụ 129 đối tượng, đạt tỷ lệ 96,34%. Tội phạm về cờ bạc xảy ra 32 vụ (giảm 24 vụ so với CK), điều tra khám phá 23 vụ 174 đối tượng, đạt tỷ lệ 100%. Tội phạm về kinh tế phát hiện 35 vụ, 53 đối tượng (tương đương CK), điều tra làm rõ 35 vụ, đạt tỷ lệ 100%; khởi tố 29 vụ, 55 bị can. Tội phạm về ma túy phát hiện 75 vụ (giảm 15 vụ so với CK), điều tra làm rõ 75 vụ, đạt tỷ lệ 100%; khởi tố 75 vụ 112 bị can. Tội phạm về môi trường phát hiện 02 vụ (giảm 01 vụ so với CK), điều tra làm rõ và khởi tố 02 vụ, 02 đối tượng, đạt tỷ lệ 100%. Tội phạm về giao thông tiếp nhận 21 vụ, làm rõ 21 vụ 22 đối tượng, đạt tỷ lệ 100%; khởi tố 21 vụ 22 bị can. Tội phạm khác xảy ra 01 vụ, điều tra làm rõ 01 vụ, 09 đối tượng, đạt tỷ lệ 100%, khởi tố 01 vụ, 09 bị can.

Tai nạn giao thông (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/03/2023): Xảy ra 31 vụ, chết 17 người, bị thương 15 người. So với CK, tăng 07 vụ (+29,2%), tăng 05 người chết (+41,7%), giảm 01 người bị thương (-6,3%).

⁹ Vụ tham nhũng của Nguyễn Thu Trang, UBND xã Phước Lưu, thị xã Trảng Bàng (01 lãnh đạo: Lê Văn Em, Chủ tịch UBND xã Phước Lưu 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ - Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng).

¹⁰ Vụ tham nhũng của Đỗ Mỹ Linh, Trương TH Bàu Năng A, Huyện Dương Minh Châu (01 lãnh đạo: Ngô Văn Sung, Hiệu trưởng); Vụ tham nhũng của Nguyễn Hồ Diễm, Trường THCS Phước Lưu, thị xã Trảng Bàng (02 lãnh đạo: Nguyễn Văn Em, Hiệu trưởng giai đoạn 02/2018 - 01/2020; Lê Thành Đẹp, Hiệu trưởng giai đoạn 2017 - 02/2018).

¹¹ Vụ tham nhũng của Trần Duy Khánh, UBND xã Bàu Đôn, huyện Gò Dầu (02 lãnh đạo: Trương Văn Rùa, Chủ tịch, Nguyễn Văn Dũng, Phó Chủ tịch. Tình tiết giảm nhẹ: Chủ động phát hiện, xử lý và báo cáo vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền; tính chất vụ việc ít nghiêm trọng nên sau khi giám nhẹ 01 bậc thì chỉ kiểm điểm trách nhiệm, không xử lý kỷ luật).

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, giải quyết tốt công tác bảo hộ công dân và người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Tây Ninh. Tổ chức Hợp mặt hữu nghị mừng Xuân Quý Mão năm 2023 với các đại biểu Vương quốc Campuchia. Triển khai thực hiện các chương trình hợp tác đã ký kết, phối hợp bảo đảm an ninh trật tự trên khu vực biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

II. Đánh giá chung

1. Mặt làm được

Kinh tế - xã hội 3 tháng đầu năm 2023 đạt một số kết quả tích cực:

– Kinh tế tiếp tục được phục hồi và đạt mức tăng trưởng 2,21%. So với vùng Đông Nam Bộ, Tây Ninh xếp trên Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu.

– Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng khá so với cùng kỳ.

– Thu nội địa tăng so với cùng kỳ, lĩnh vực tín dụng ngân hàng ổn định và dư nợ tăng khá so với cùng kỳ.

– Thương mại, dịch vụ diễn ra nhộn nhịp nhờ các hoạt động lễ hội có sự chuyển biến về chất lượng, với sự đầu tư mang đậm nét đặc sắc riêng, nâng cao phục vụ các sản phẩm về du lịch, du khách và doanh thu du lịch tăng khá cao và đa số khách du lịch đã có phản hồi tích cực.

– Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch được tích cực triển khai ngay từ những tháng đầu năm, mở ra nhiều cơ hội hợp tác cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

– Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện, ước giải ngân đạt 28,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 25,1% kế hoạch HĐND tỉnh giao (*Quý I/ 2022: đạt 16,16% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 10% kế hoạch HĐND tỉnh giao*).

– Các chính sách về an sinh xã hội chăm lo đời sống cho người dân được quan tâm nhất là các đối tượng gặp khó khăn, thiếu hoặc mất việc làm trong dịp Tết Nguyên đán.

– Tình trạng thiếu thuốc bảo hiểm y tế được khắc phục, đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng các mặt hàng thuốc cho các cơ sở y tế, giải quyết cấp bách tình trạng thiếu thuốc BHYT trên địa bàn tỉnh.

– Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2023 đảm bảo theo kế hoạch đề ra; quốc phòng - an ninh được đảm bảo, không để xảy ra điểm nóng trên khu vực biên giới.

2. Điểm hạn chế

– Thu hút đầu tư trong và ngoài nước giảm so với cùng kỳ, trong đó thu hút đầu tư trong nước giảm mạnh.

– Kim ngạch xuất khẩu giảm ở một số mặt hàng chủ lực.

– Tình hình tai nạn giao thông tăng cả về số vụ và số người chết.

– Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa được thực hiện nghiêm túc, các nội dung trình theo Chương trình công tác của UBND tỉnh còn chậm.

3. Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:
 - + Các hoạt động sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm mới ở bước đầu khởi động cho cả năm kế hoạch nên chưa thể đánh giá kết quả rõ nét.
 - + Mặt bằng lãi suất cho vay tăng dẫn đến nhà đầu tư trong nước gặp khó khăn trong vốn đầu tư mới hay mở rộng quy mô sản xuất. Ngoài ra do ảnh hưởng của chiến tranh và khủng hoảng kinh tế, trong khi Trung Quốc là quốc gia có vốn đầu tư lớn nhất trên địa bàn tỉnh vẫn chưa thật sự mở cửa nền kinh tế sau dịch Covid-19.
 - + Một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam có lạm phát và lãi suất tăng cao, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu mua sắm hàng hóa.
- Nguyên nhân chủ quan: việc phối hợp xử lý công vụ của một số ngành, lĩnh vực còn chậm, chưa thể hiện quyết tâm, quyết liệt giải quyết vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp.

PHẦN II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2023

1. Chủ động rà soát, thực hiện nghiêm túc Chương trình công tác UBND tỉnh năm 2023¹²; Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ năm 2023¹³; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI¹⁴, các nội dung thuộc chương trình đột phá phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Chuẩn bị Báo cáo phục vụ sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI.

2. Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực. Tập trung tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, chủ động thông tin các chính sách hỗ trợ, ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ để doanh nghiệp và người dân tiếp cận kịp thời. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đưa các chính sách được Hội đồng nhân dân tỉnh vào cuộc sống.

3. Phối hợp đơn vị tư vấn, cơ quan chuyên môn Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến các thành viên hội đồng; tổ chức họp Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với Quy hoạch tỉnh Tây Ninh và khẩn trương giải trình hoàn chỉnh quy hoạch tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý 2/2023. Đẩy nhanh phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tây Ninh. Đẩy nhanh tiến độ trình phê duyệt Quy hoạch chung xây

¹² Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2023

¹³ Chương trình số 156-CTr/TU ngày 06/01/2023

¹⁴ Chương trình số 68-CTr/TU, ngày 15/10/2021

dựng Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đến năm 2045 và điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát đến năm 2045. Ban hành Đề án phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2023 – 2030 và Đề án phát triển khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp Hiệp Thành.

4. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể tình hình thu ngân sách trên địa bàn quản lý theo từng khoản thu, sắc thuế; tập trung vào các khu vực kinh tế, các sắc thuế thu đạt thấp so dự toán, nhất là thu tiền sử dụng đất, để có phương án chỉ đạo, điều hành thu kịp thời. Quản lý chặt chẽ các khoản chi thường xuyên, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn của các chủ đầu tư liên quan đến quy trình thẩm định giá đất, phương án bồi thường ... Sớm hoàn thành thủ tục phân khai toàn bộ vốn đầu tư công 2023, nhất là nguồn vốn trung ương; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, nhất là các công trình trọng điểm hạ tầng giao thông, với mục tiêu giải ngân đạt 50% vào 30/6/2023.

5. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quản lý đầu tư và đất đai. Khẩn trương hoàn tất thủ tục chủ trương đầu tư các dự án thuộc du lịch, chăn nuôi theo chuỗi, gắn với chế biến, dự án chế biến gỗ, trang trí nội thất và dự án phát triển đô thị. Chủ động tháo gỡ khó khăn các dự án đang triển khai, thường xuyên rà soát xử lý nghiêm các dự án chậm triển khai. Ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; quy định một số chính sách khuyến khích bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh. Khẩn trương hoàn thành phê duyệt Phương án sử dụng đất đối với Công ty TNHH MTV 30/4. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về khoáng sản và môi trường nhằm nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác tài nguyên.

6. Triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao các Chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh. Rà soát các TTHC liên quan nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống Nhân dân, thường xuyên cập nhật các quy trình điện tử, quy trình nội bộ để kiểm soát chặt chẽ các cơ quan, địa phương, cán bộ công chức trong quá trình giải quyết TTHC để phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực. Tiếp tục rà soát và công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện toàn trình, góp phần tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số năm 2023 và giải pháp nâng cao các chỉ số DTI trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện Đề án “Rà soát, điều chỉnh biên chế gắn với vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp tỉnh của tỉnh Tây Ninh”.

7. Tiếp tục triển khai đồng bộ, kịp thời chính sách hỗ trợ và giải quyết việc làm cho người lao động. Xây dựng Kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp năm 2023 và Kế hoạch tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2023. Thực hiện linh hoạt, bố trí, sắp xếp đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, trong trường hợp chưa thể bố trí đủ giáo viên theo định mức. Xây dựng Nghị quyết quy định

chính sách thu hút, hỗ trợ giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh. Ban hành Quyết định về quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; Quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023 – 2025.

8. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe người dân. Tăng cường phòng, chống dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, bệnh đậu mùa khỉ,... các dịch bệnh mới phát sinh, tuyệt đối không được chủ quan. Rà soát, thống kê đối tượng tiêm và nhu cầu vắc xin phòng COVID-19 năm 2023. Triển khai thực hiện Nghị định số 07/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế (TTBYT) nhằm giải quyết các tồn tại, hạn chế, bất cập phát sinh trong thời gian vừa qua.

9. Bảo đảm quốc phòng – an ninh, xây dựng văn kiện diễn tập khu vực phòng thủ năm 2023. Các lực lượng quân sự – công an – biên phòng phối hợp chặt chẽ nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh trong nội địa và trên tuyến biên giới; ngăn chặn xuất, nhập cảnh trái phép, mua bán vận chuyển ma túy, buôn lậu; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình ổn định, hợp tác và phát triển. Ban an toàn giao thông các địa phương tăng cường tuyên truyền cho người dân nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về an toàn giao thông hướng đến việc kéo giảm tai nạn giao thông. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tổ chức Hội nghị ký kết thỏa thuận hợp tác với Ban hành chính 02 tỉnh Prey Veng và Tboung Khmum, Campuchia và Văn phòng Hành chính 02 tỉnh Svay Rieng và Kampong Cham, Campuchia giai đoạn 2023-2028.

Trên đây là kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Quý I và nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2023. Căn cứ nhiệm vụ được giao, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố tập trung tổ chức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2023, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- TV CP phụ trách Tây Ninh;
- TT.TU;
- TT.HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- TV UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng, ban thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT.VP tỉnh.

7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

W. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng



BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC QUÝ I NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 122/BC-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH QUÝ I/2022	KH NĂM 2023	UTH QUÝ I/2023	SO SÁNH (%)	
						KH	CK
1	Tổng GRDP (Giá so sánh 2010)	Tr. đồng	12,417	60,820	12,691	20.9	102.21
	Nông - lâm - thủy sản	"	2,354	13,640	2,417	17.7	102.6
	Công nghiệp - Xây dựng	"	5,344	26,120	5,296	20.3	99.1
	- Công nghiệp	"	4,534	22,480	4,472	19.9	98.6
	- Xây dựng	"	809	3,640	824	22.6	101.8
	Dịch vụ	"	4,118	18,220	4,345	23.8	105.5
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	601	2,840	634	22.3	105.5
2	Tổng GRDP (Giá hiện hành)	Tr. đồng	22,784	114,650	23,883	20.8	104.82
	Nông - lâm - thủy sản	"	3,801	21,800	3,945	18.1	103.8
	Công nghiệp - Xây dựng	"	10,614	54,200	10,714	19.8	100.9
	- Công nghiệp	"	9,329	47,700	9,358	19.6	100.3
	- Xây dựng	"	1,284	6,500	1,355	20.8	105.5
	Dịch vụ	"	7,283	33,600	8,044	23.9	110.5
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	1,087	5,050	1,180	23.4	108.6
3	Cơ cấu GRDP - Giá hiện hành	%					
	Nông - lâm - thủy sản	"	16.7	19.0	16.5		
	Công nghiệp - Xây dựng	"	46.6	47.3	44.9		
	Dịch vụ	"	32.0	29.3	33.7		
	Thuế sản phẩm - trợ cấp sản phẩm	"	4.8	4.4	4.9		
4	Vốn đầu tư xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	7,860	42,240	8,397	19.9	106.8
	% trong GRDP	%	34.5	37	35.2		
	Khu vực Nhà nước	Tỷ đồng	984	5,940	935	15.7	95.0
	Khu vực dân doanh	Tỷ đồng	3,486	16,500	3,616	21.9	103.7
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	3,389	19,800	3,846	19.4	113.5
5	Nông nghiệp						
5.1	Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Vụ Đông Xuân)	ha	97,289	106,430	101,889	95.7	104.7
	Trong đó:						
	- Lúa	ha	46,405	45,000	46,554	103.5	100.3
	- Mía	ha	419	5,300	322	6.1	76.9
	- Mi	ha	32,867	40,200	37,737	93.9	114.8
	- Bắp	ha	2,763	2,870	2,560	89.2	92.6
	- Đậu phộng	ha	2,410	2,550	2,318	90.9	96.2
5.2	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu						

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH QUÝ I/2022	KH NĂM 2023	ƯTH QUÝ I/2023	SO SÁNH (%)	
						KH	CK
	- Thịt heo	tấn	11,686	51,000	12,466	24.4	106.7
	- Thịt trâu	tấn	65	690	64	9.2	98.5
	- Thịt bò	tấn	684	7,600	708	9.3	103.6
	- Thịt gia cầm các loại	tấn	11,786	58,000	11,990	20.7	101.7
5.3	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	110	590	112	19.0	102.2
5.4	Sản lượng thủy sản	tấn	2,790	12,117	2,808	23.2	100.7
6	Công nghiệp						
6.1	<i>Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng</i>	%	7.10	15	(0.30)		
	- Khai khoáng	"	(14.37)		(38.51)		
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	6.90		(0.07)		
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	"	12.43		(4.84)		
	- Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	8.02		(0.83)		
6.2	<i>Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu</i>						
	Bột mì	Tấn	341,221		348,229		102.1
	Đường các loại	Tấn	74,019		77,041		104.1
	Giấy các loại	1000 đôi	18,773		16,842		89.7
	Quần áo các loại	1000 cái	34,193		34,818		101.8
	Võ, ruột xe các loại	1000 cái	10,620		10,066		94.8
	Xi măng	Tấn	256,542		242,445		94.5
	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1,333		1,222		91.7
	Điện sản xuất	Triệu Kwh	386		374		96.8
	Nước máy sản xuất	1000 M3	3,522		3,635		103.2
	Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế	Triệu Đồng	50,608		54,727		108.1
7	Thương mại - dịch vụ						
7.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	23,454	108,571	26,066	24.0	111.1
	<i>Trong đó: Tổng mức bán lẻ</i>		<i>18,614</i>		<i>20,492</i>		<i>110.1</i>
7.2	Du lịch						
	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	521	1,800	980.4	54.5	188.0
	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tỷ đồng	510		3,455		677.4
	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt	2,113,271	5,000,000	2,500,000	50.0	118.3
7.3	Giao thông vận tải						
*	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải (doanh thu các bến xe khách)	tỷ đồng	1,019.37		1,515.86		148.7
*	Vận tải hành khách		-				
	- Lượng hành khách vận chuyển	Tỷ lượt HK	6.40		10.98		171.7
	- Khối lượng hành khách luân chuyển	Tỷ lượt HK.km	335.51		436.04		130.0
*	Vận tải hàng hóa				-		
	- Lượng hàng hóa vận chuyển	Tỷ tấn	4.01		4.60		114.7

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH QUÝ I/2022	KH NĂM 2023	ỨTH QUÝ I/2023	SO SÁNH (%)	
						KH	CK
	- Khối lượng hàng hóa luân chuyển	Tỷ tấn.km	307.78		348.30		113.2
8	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2,969	11,000	2,946	26.8	99.2
	- Thu nội địa	"	2,523	9,600	2,632	27.4	104.3
	- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	"	446	1,400	314	22.4	70.4
9	Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2,934	11,170	3,271	29.3	111.5
10	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1,463	6,981	1,176	16.8	80.3
	<i>Một số mặt hàng chủ yếu:</i>						
	Xơ, sợi dệt các loại	"	138.57		119.61		86.3
	Hàng dệt may	"	229.30		195.62		85.3
	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	311.40		258.27		82.9
	Vải các loại	"	194.31		133.68		68.8
	Giày dép các loại	"	89.74		57.21		63.7
11	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	1,385	6,147	1,244	20.2	89.8
	<i>Một số mặt hàng chủ yếu:</i>						
	Bông các loại	"	136.47		173.02		126.8
	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		45.59		52.44		115.0
	Sắn và các sản phẩm từ sắn		231.34		240.06		103.8
	Hóa chất		133.04		93.72		70.4
	Cao su các loại		269.36		167.36		62.1
12	Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước						
12.1	Đầu tư trong nước	Tỷ đồng	7,805	17,300	708	4.1	9.1
*	Số dự án được cấp CTĐT, GCN đầu tư	Dự án	8	50	4	8.0	50.0
	Vốn đăng ký	Tỷ đồng	7,227	13,500	390	2.9	5.4
*	Số dự án tăng vốn	Dự án	5	25	5	20.0	100.0
	Vốn tăng	Tỷ đồng	578	3,800	318	8.4	55.0
*	Số dự án giảm vốn	lượt	-	-	-		
	Vốn giảm	Triệu USD	-	-	-		
*	Số dự án thu hồi	Dự án	-	-	-		
	Vốn thu hồi	Tỷ đồng	-	-	-		
*	<i>Lũy kế số dự án đầu tư trong nước trên địa bàn</i>	<i>Dự án</i>	<i>658</i>		<i>679</i>		<i>103.2</i>
	<i>Vốn đăng ký</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>107,898</i>		<i>116,554</i>		<i>108.0</i>
12.2	Đầu tư nước ngoài	Triệu USD	213.1	750	101.8	13.6	47.8
*	Số dự án được cấp GCN đầu tư	Dự án	1	18	5	27.8	500.0
	Vốn đăng ký	Triệu USD	210.0	550	25	4.5	11.9
*	Số dự án tăng vốn	lượt	5.0	23	7	30.4	140.0
	Vốn tăng	Triệu USD	30.4	200	76.83	38.4	252.7
*	Số dự án giảm vốn	lượt	3		-		-

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH QUÝ I/2022	KH NĂM 2023	ƯTH QUÝ I/2023	SO SÁNH (%)	
						KH	CK
	Vốn giảm	Triệu USD	27.30		-		-
	Số dự án thu hồi	Dự án					
	Vốn thu hồi	Triệu USD					
*	Góp vốn, mua cổ phần	lượt	2		-		
	Giá trị	Triệu USD	0.67		-		
*	Số dự án thu hồi	Dự án	-		1		
	Vốn thu hồi	Triệu USD	-		0.60		
*	Lũy kế tổng số dự án còn hiệu lực	Dự án	346		355		102.6
	Vốn đăng ký	Triệu USD	8,635.05		9,135.80		105.8
*	Tổng số dự án thu hút đầu tư trong và ngoài nước	Dự án	9	68	9	13.2	100
*	Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước (đăng ký mới + tăng vốn - giảm vốn)	Triệu USD	492.4	1,483	131.8	8.9	26.8
13	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	200	700	148	21.1	74.0
	Số vốn đăng ký mới	Tỷ đồng	1,284	10,000	649	6.5	50.5
	* Lũy kế tổng số doanh nghiệp của tư nhân trên địa bàn	DN	6,834		6,810		99.6
	* Lũy kế vốn đăng ký	Tỷ đồng	161,702		184,207		113.9
	Số doanh nghiệp giải thể	DN	41	200	36	18.0	87.8
	Số vốn của doanh nghiệp giải thể	Tỷ đồng	231	500	318	63.6	137.7